

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 563/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 4 năm 2009

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch bố trí tổ chức lại sản xuất  
Nông - Lâm - Ngư nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất  
và vùng ven giai đoạn 2009 - 2015**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 139/2006/QĐ-TTg ngày 16/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 16/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất tại Tờ trình số 07/TTr-BQL ngày 27/02/2009 về việc xin phê duyệt Dự án Quy hoạch bố trí tổ chức lại sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất và vùng ven giai đoạn 2009 - 2015, ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 50/NN-PTNT ngày 12/01/2009,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Phê duyệt Dự án Quy hoạch bố trí tổ chức lại sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất và vùng ven giai đoạn 2009 - 2015, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch bố trí tổ chức lại sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất và vùng ven giai đoạn 2009 - 2015.
2. Chủ đầu tư: Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất.
3. Cơ quan quản lý dự án: Ban Quản lý các dự án nông lâm nghiệp Dung Quất.
4. Mục tiêu quy hoạch:
  - a) Tổ chức lại sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm giải quyết việc làm, đời sống cho nông, ngư dân trong Khu kinh tế và vùng ven, đặc biệt là các hộ dân bị thu hồi đất sản xuất; tạo sản phẩm an toàn, chất lượng phục vụ nhu cầu thị trường và bảo vệ môi trường sinh thái trong vùng;

b) Gắn việc thực hiện quy hoạch với việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ, của UBND tỉnh Quảng Ngãi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên vùng.

c) Phân đầu đến năm 2015 tạo thêm công ăn, việc làm, góp phần tăng thu nhập cho 3.000 hộ dân tái định cư, xây dựng vùng sản xuất thực phẩm chất lượng cao, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm với các chỉ tiêu: rau an toàn đạt 30% nhu cầu, chăn nuôi tập trung chiếm tỷ lệ 20%, vùng lúa chất lượng cao 565 ha, nuôi trồng thủy sản 383 ha.

5. Phạm vi vùng quy hoạch: Vùng quy hoạch được thực hiện trên địa bàn 15 xã, bao gồm 6 xã trong Khu Kinh tế Dung Quất (Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải) và 9 xã vùng ven Khu kinh tế (Bình Nguyên, Bình Dương, Bình Thới, Bình Thanh Đông, Bình Thanh Tây, Bình Phước, Bình Hoà, Bình Phú và Bình Châu) thuộc huyện Bình Sơn.

6. Qui mô quy hoạch:

a) Tổng diện tích tự nhiên vùng quy hoạch: 23.901,5 ha.

b) Tổng dân số trong vùng: 114.563 người.

c) Tổng diện tích đất nông nghiệp: 13.146 ha. Trong đó:

- Sản xuất lương thực: 4.890 ha diện tích gieo trồng/năm; trong đó, xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao với quy mô diện tích canh tác 565 ha;

- Cây nguyên liệu: 1.810 ha;

- Cây lạc: 340 ha;

- Rau các loại: 650 ha. Trong đó, xây dựng vùng sản xuất rau an toàn với quy mô diện tích canh tác 132 ha;

- Sản lượng nấm 544 tấn/năm;

- Sản xuất hoa, sinh vật cảnh: 30 ha;

- Rừng nguyên liệu: 3.010 ha;

- Rừng phòng hộ và cảnh quan môi trường 1.795 ha;

- Đàn gia súc: đàn bò 30.000 con, đàn heo 50.000 con, đàn gia cầm 150.000 con.

- Nuôi trồng thủy sản: diện tích 383 ha.

7. Nội dung quy hoạch:

7.1. Tổ chức lại sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong KKT Dung Quất:

a) Sản phẩm ngành trồng trọt:

- Cây lương thực: 590 ha; trong đó: lúa 370 ha, ngô 120 ha.

- Cây nguyên liệu: 406 ha; trong đó: mỳ 370 ha, mía 31 ha, cao su 5 ha.

- Cây rau thực phẩm: 270 ha, sản lượng 2.500 tấn/năm; trong đó xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn 30 ha, sản lượng 300 tấn/năm.

- Cây lạc: 160 ha, sản lượng 320 tấn/năm.

- Sản xuất nấm: sản lượng 103 tấn/năm.

- Sản xuất hoa, sinh vật cảnh: 28 ha.

Địa bàn sản xuất nấm, hoa, sinh vật cảnh bố trí gắn với các khu tái định cư trong vùng.

## b) Sản phẩm ngành chăn nuôi:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm: vật nuôi chủ yếu là bò, heo, gà. Trong đó đàn bò 8.000 con, đàn lợn 13.500 con, đàn gia cầm 50.000 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng hàng năm 1.322 tấn.

- Nuôi thú đặc sản: Vật nuôi là nhông (dông đất), diện tích nuôi 10 ha, sản lượng sản phẩm 50 tấn/năm.

## c) Sản phẩm ngành thủy sản:

- Diện tích nuôi trồng thủy sản: 93 ha, trong đó nuôi nước ngọt 10 ha, nuôi nước lợ 80 ha. Sản lượng thủy sản hàng năm 840 tấn.

- Đối tượng nuôi nước ngọt là các nhóm cá chép, cá rô phi, cá lóc, cá trê,...

- Đối tượng nuôi nước lợ: quan trọng nhất là tôm sú và tôm chân trắng, kết hợp cả nuôi thâm canh, bán thâm canh và nuôi sinh thái.

- Đối tượng nuôi thủy đặc sản gồm: cua, ốc hương, cá vược, cá mú, cá chình, bống tượng, cá lăng, thác lác, lươn, ếch, ba ba, rắn,...

## d) Sản phẩm ngành lâm nghiệp:

- Xây dựng hệ thống rừng phòng hộ và cây xanh cảnh quan đô thị với quy mô 1.482,5 ha; trong đó rừng phòng hộ ven biển 482 ha, rừng ngập nước 150 ha, rừng phòng hộ đầu nguồn 75 ha, rừng cảnh quan môi trường 655,5 ha; cây xanh đô thị 120 ha.

- Rừng sản xuất gỗ nguyên liệu: diện tích 329 ha, sản lượng 3.290 tấn/năm.

## 7.2. Tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp các xã vùng ven:

## 7.2.1. Trồng trọt:

a) Sản xuất lương thực: 4.300 ha, sản lượng 23.516 tấn/năm; trong đó:

- Cây lúa: 3.960 ha/năm, sản lượng 22.036 tấn. Hình thành vùng sản xuất lúa chất lượng cao 565 ha ở các xã Bình Nguyên, Bình Thới, Bình Dương, Bình Thanh Đông và Bình Châu.

- Cây ngô: 340 ha, sản lượng 1.480 tấn/năm.

b) Sản xuất cây rau, đậu thực phẩm và cây hàng năm:

- Cây rau: 380 ha, sản lượng 4.420 tấn/năm. Hình thành vùng sản xuất rau an toàn 102 ha, sản lượng 1202 tấn/năm ở các xã Bình Dương, Bình Nguyên, Bình Thanh Đông, Bình Hoà và Bình Phú.

- Cây lạc: 180 ha, sản lượng 375 tấn/năm.

c) Cây nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến:

- Cây mía: 236,9 ha, sản lượng 16.190 tấn/năm.

- Cây mì: 790 ha, sản lượng 15.800 tấn/năm.

- Cây cao su: 377 ha, sản lượng 377 tấn/năm ở các xã Bình Hoà, Bình Phú, Bình Thanh Tây, Bình Thanh Đông và Bình Nguyên với diện tích .

d) Sản xuất nấm, hoa, sinh vật cảnh:

- Sản xuất nấm: 441 tấn/năm.

- Sản xuất hoa, sinh vật cảnh: 2 ha bố trí tại Khu tái định cư Gò Đường, xã Bình Thanh Tây.

### 7.2.2. Chăn nuôi:

#### a) Chăn nuôi gia súc, gia cầm:

- Hình thành các vùng chăn nuôi theo hướng tập trung, thâm canh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Tổng đàn gia súc: 58.500 con, trong đó: bò 22.000 con, heo 36.500 con; đàn gia cầm 150.000 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng hàng năm 3.080 tấn.

#### b) Chăn nuôi thú đặc sản:

Loại thú đặc sản được bố trí sản xuất ở các xã vùng ven khu kinh tế chủ yếu là heo rừng lai, nhím, nhông đất,...

### 7.2.3. Tổ chức sản xuất thủy sản:

#### a) Đánh bắt thủy sản:

Tổ chức lại nghề khai thác thủy sản trên vùng theo hướng khai thác hợp lý nguồn lợi, giảm áp lực khai thác ven bờ; giảm dần số lượng tàu thuyền có công suất nhỏ, đặc biệt là tàu dưới 50CV khai thác vùng biển gần bờ, tăng số lượng tàu có công suất lớn khai thác vùng biển xa bờ.

#### b) Nuôi trồng thủy sản:

Đến năm 2015: diện tích nuôi trồng 295 ha, trong đó diện tích nuôi nước ngọt 82 ha, nuôi nước lợ 208 ha. Sản lượng đạt 2.170 tấn.

### 7.2.4. Tổ chức sản xuất lâm nghiệp:

a) Xây dựng rừng phòng hộ theo quy hoạch 3 loại rừng trong vùng: 312,5 ha.

b) Phát triển rừng sản xuất gỗ nguyên liệu: 2.681 ha, sản lượng 26.810 ha.

### 7.3. Quy hoạch xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao:

a) Xây dựng khu hoạt động nông nghiệp công nghệ cao trên cơ sở nâng cấp, mở rộng Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất để làm nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm các loại giống mới; đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cho nông dân.

b) Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được xây dựng trên địa bàn xã Bình Nguyên và Bình Hoà, quy mô mỗi khu 50 ha.

### 7.4. Quy hoạch tổ chức chế biến, tiêu thụ sản phẩm:

#### a) Tổ chức thu mua, chế biến:

- Khu vực phía Đông Nam KKT bố trí một cụm thu mua, chế biến nông sản và giết mổ gia súc, gia cầm phục vụ cho khu đô thị Vạn Tường và phía Nam KKT tại thôn Long Bình, xã Bình Hòa.

- Khu vực phía Tây Bắc KKT bố trí một cụm thu mua, chế biến nông sản phục vụ cho khu đô thị Dốc Sỏi và phía Bắc KKT tại thôn Nam Bình Thượng, xã Bình Nguyên.

#### b) Mạng lưới dịch vụ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm:

- Hình thành hệ thống kênh phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng ở các khu đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, nhà máy, xí nghiệp trên cơ sở khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh; tạo mối liên kết trong việc cung cấp sản phẩm giữa người sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

### 7.5. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

Đầu tư xây dựng các hạng mục sau:

a) Đường giao thông: 4,5 km; gồm tuyến nối từ đường Bình Long – Dung Quất vào khu thu mua, chế biến sản phẩm phía Đông Khu kinh tế dài 1,5 km và tuyến từ phía dọc sông Cà Ninh phục vụ khu nuôi trồng thủy sản xã Bình Phước, dài 3,0 km.

b) Thủy lợi: Xây dựng mới kênh tưới đồng Triền Môn, xã Bình Châu dài 1,2 km.

c) Điện: Xây dựng 7,5 km đường dây và 7 trạm biến áp trong vùng để phục vụ các vùng, điểm nuôi trồng thủy sản và chế biến tiêu thụ sản phẩm.

d) San ủi cải tạo đồng ruộng kết hợp dồn điền đổi thửa để xây dựng vùng lúa chất lượng cao: 150 ha, trong đó: xã Bình Thới 50 ha, xã Bình Dương 20 ha, Bình Nguyên 20 ha, Bình Thanh Đông 40 ha, Bình Châu 20 ha.

### 8. Khái toán vốn đầu tư:

a. Tổng vốn đầu tư: 392.097 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách: 144.637 triệu đồng; chiếm 36,89%;

- Vốn huy động từ các thành phần kinh tế: 247.460 triệu đồng; chiếm 63,11%

b. Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 2009 – 2010: 115.528 triệu đồng.

- Giai đoạn 2011 – 2015: 276.569 triệu đồng.

### 9. Hiệu quả quy hoạch:

a) Hiệu quả kinh tế:

- Khai thác hiệu quả đất đai trên vùng, nhất là đất chưa sử dụng như: đất đồi gò, đất nhiễm mặn, mặt nước ven sông và các công trình thủy lợi; nâng cao hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất.

- Tạo ra một lượng sản phẩm hàng hoá nông, lâm, thủy sản với giá trị 580.436 triệu đồng/năm, góp phần tăng thu nhập cho nông dân trong vùng.

b) Hiệu quả xã hội:

- Tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận nông, ngư dân, nhất là dân ở vùng tái định cư, góp phần thực hiện mục tiêu an sinh xã hội trên vùng và thúc đẩy sự phát triển Khu kinh tế Dung Quất;

- Chuyển giao các tiến bộ về khoa học - công nghệ, đào tạo nghề, góp phần thay đổi tập quán sản xuất của nông dân;

- Hình thành các làng nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thay đổi bộ mặt nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại.

c) Hiệu quả môi trường:

- Bảo tồn, khôi phục, tái tạo, phát triển, đa dạng hóa môi trường sinh thái bền vững trong Khu kinh tế và vùng ven, góp phần giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sống và cảnh quan đẹp trong vùng.

- Cung cấp sản phẩm nông lâm thủy sản chất lượng cao, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe con người và bảo vệ môi trường.

### 10. Xác định các dự án ưu tiên đầu tư:

**10.1. Các dự án trọng điểm cần ưu tiên đầu tư:**

a) Dự án ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất nấm, hoa, sinh vật cảnh:

- Quy mô đầu tư: diện tích 50 ha, số hộ tham gia 3.000 hộ;
- Tổng vốn đầu tư: 96.000 triệu đồng;

b) Dự án Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao:

- Quy mô đầu tư: 40 ha;
- Tổng vốn đầu tư: 20.000 triệu đồng.

c) Dự án đào tạo nguồn nhân lực:

- Quy mô đầu tư: 6.000 lượt người;
- Tổng vốn đầu tư: 9.000 triệu đồng.

d) Dự án hỗ trợ kỹ thuật phát triển nuôi thú đặc sản:

- Quy mô đầu tư: 10 ha;
- Tổng vốn đầu tư: 5.000 triệu đồng.

e) Dự án Khôi phục và tái tạo rừng phòng hộ sinh thái vùng ngập nước:

- Quy mô đầu tư: 100 ha;
- Tổng vốn đầu tư: 600 triệu đồng.

**10.2. Các dự án đầu tư khác:**

- Dự án cơ sở lâm nghiệp Dung Quất;
- Dự án hỗ trợ kỹ thuật phát triển vùng sản xuất rau an toàn;
- Dự án hỗ trợ kỹ thuật phát triển vùng lúa chất lượng cao;
- Dự án hỗ trợ kỹ thuật phát triển chăn nuôi an toàn sinh học;
- Dự án hỗ trợ kỹ thuật phát triển nuôi thủy đặc sản;
- Dự án hỗ trợ kỹ thuật phát triển nuôi cá nước ngọt;
- Dự án Đầu tư nuôi trồng thủy sản Đồng Nội xã Bình Chánh;
- Dự án Đầu tư nuôi trồng thủy sản dọc sông Cà Ninh xã Bình Phước;
- Dự án Hỗ trợ xúc tiến thương mại;
- Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cây xanh cảnh quan đô thị;
- Dự án Hỗ trợ xây dựng cải tạo đồng ruộng;
- Dự án chuyển tiếp đầu tư xây dựng Lâm viên Vạn Tường;
- Dự án Đầu tư xây dựng chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch; nghiên cứu, đề xuất các dự án cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện; đề xuất các chính sách có liên quan đến thực hiện quy hoạch như: chính sách về hỗ trợ vốn, khuyến khích đầu tư, chính sách hỗ trợ nông, ngư dân, chính sách đào tạo nghề.. ; rà soát cụ thể từng danh mục, từng loại công trình theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với khả năng bố trí vốn trong từng giai đoạn, tham mưu cho UBND tỉnh quản lý thống nhất quy hoạch; làm đầu mối đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Dự án của các ngành và UBND huyện Bình Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh giao tại quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Ban hành quy trình sản xuất, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn; chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông -

Khuyến ngư, Trung tâm Giống cây trồng - vật nuôi, Trung tâm giống thủy sản phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông lâm nghiệp Dung Quất triển khai các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, ứng dụng giống mới cho nhân dân trên vùng quy hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất trong việc triển khai đầu tư nâng cấp Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông lâm nghiệp Dung Quất thành đơn vị nghiên cứu chuyên giao nông nghiệp công nghệ cao, hỗ trợ xây dựng các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tham mưu cho UBND tỉnh cân đối bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học có liên quan đến việc triển khai thực hiện quy hoạch.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng và thẩm định các dự án đầu tư thực hiện quy hoạch, cân đối nguồn vốn cho các dự án được duyệt; theo dõi, quản lý tình hình thực hiện quy hoạch và đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

5. Sở Công Thương: Hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc phát triển các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ về khuyến công, xúc tiến đầu tư và xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hoá nông, lâm, thủy sản trên vùng.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: tham mưu cho UBND tỉnh về việc thu hồi đất, giao đất có liên quan đến các dự án đầu tư theo quy hoạch; giúp UBND tỉnh về quản lý, bảo vệ môi trường; phối hợp với UBND huyện Bình Sơn hỗ trợ UBND các xã trong vùng thực hiện tốt công tác dồn điền đổi thửa.

7. UBND huyện Bình Sơn và chính quyền địa phương các xã trong vùng quy hoạch: Bố trí lồng ghép các dự án đầu tư trên địa bàn, chủ động thực hiện công tác dồn điền đổi thửa ở địa phương, thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư; phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Sở, ngành liên quan tổ chức công bố quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch ở địa phương và đề xuất cơ chế, chính sách nhằm thực hiện tốt nội dung quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Hué**